

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2018

V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212A/2010/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2010 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm V. Sinh năm 1947.

Địa chỉ: 183 đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị L. Sinh năm 1951.

Địa chỉ: 12B đường Y, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 03-7-2009, bản tự khai ngày 12-11-2009, biên bản hòa giải ngày 27-11-2009 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 03-5-2018, nguyên đơn là ông Phạm V trình bày:

Ông và bà Lý Thị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1976 nhưng không có đăng ký kết hôn. Để thuận tiện cho công việc nên ông làm chứng chỉ sống chung với bà Lý Thị L và có xác nhận của Ủy ban nhân dân

phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 26-7-1990. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông già yếu không còn sức khỏe làm ra tiền được như trước nên bà L coi thường và thiếu tôn trọng ông. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lý Thị L. Ông và bà L không có con chung. Ông và bà L đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 20-12-2009 và biên bản hòa giải ngày 27-11-2009, bị đơn là bà Lý Thị L trình bày:

Năm 1976, bà và ông Phạm V có quan hệ tình cảm và đến năm 1978 ông bà tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn vì ông V đã có vợ con hiện đang sinh sống tại Kon Tum. Đến năm 1996, trong lúc bà đang chữa bệnh ở Sài Gòn thì ông V đã lấy giấy tờ nhà thế chấp ở Ngân hàng mà bà không hề hay biết. Năm 1998, Ngân hàng đòi phát mại tài sản, bà đã phải trả nợ để giữ lại nhà và mâu thuẫn bắt đầu phát sinh từ đó. Năm 2001, ông V cắt hộ khẩu để trở về Kon Tum sinh sống với vợ con. Năm 2003, ông V quay lại chung sống với bà, vì nghĩ tình nghĩa bao nhiêu năm nên bà vẫn để ông V đi đi về về nhưng đã nhiều lần ông V đòi hỏi tiền bạc của bà để ra ngoài quan hệ với những người phụ nữ khác và đánh bài. Bản thân bà làm nghề thợ may nên không có nhiều tiền để cung cấp cho ông V nên ông V buộc bà phải bán nhà để đưa tiền cho ông V thì ông V mới chịu nhưng nhà là của cha mẹ bà để lại cho bà ở nên bà không bán. Từ năm 2008 đến nay, bà và ông V không còn chung sống với nhau. Nay, ông V yêu cầu ly hôn, bà đồng ý vì ông V đã nhiều lần xúc phạm, nhạo báng tín ngưỡng của bà và bà cũng không còn tình cảm với ông V. Bà và ông V không có con chung. Bà và ông V đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm V và bà Lý Thị L; ông Phạm V phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là ông Phạm V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm V và bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1947; trú tại: 183 đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum) chung sống với nhau từ năm 1966; ông Phạm V và bà Nguyễn Thị C có 4 người con chung là chị Phạm Thị Bích N, sinh năm 1968; anh Phạm Văn M, sinh năm 1971; anh Phạm Văn L1, sinh năm 1973

và anh Phạm Văn L2, sinh năm 1978.

Năm 1976, ông Phạm V làm nghề thầu xây dựng tại P và quen biết với bà Lý Thị L; năm 1978, ông Phạm V và bà Lý Thị L chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2008 đến nay, ông Phạm V và bà Lý Thị L không còn chung sống với nhau nữa.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Phạm V cung cấp cho Tòa án bản sao có chứng thực của văn bản có tiêu đề “*Chứng chỉ sống chung*” do Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26-7-1990. Tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “*Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định*”. Như vậy, ông V và bà L chưa đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Điều 4 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “...*Cấm người đang có vợ, có chồng kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác*”, ông Phạm V là người đang có vợ mà vẫn chung sống như vợ chồng với bà Lý Thị L là vi phạm pháp luật.

Quá trình chung sống, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông bà không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau và đời sống chung không thể kéo dài nên ông Phạm V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lý Thị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm V và bà Lý Thị L.

[3] Về con: Ông Phạm V và bà Lý Thị L không có con chung.

[4] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Phạm V là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm V và bà Lý Thị L.

2. Ông Phạm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 004438 ngày 11-11-2009 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Phạm V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lý Thị L có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng ông Phạm V vắng mặt tại phiên toà, nên ông có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền